

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/HS-ST.

Ngày: 21/11/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khuyên;

Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Thọ;

Ông Nguyễn Trọng H;

Ông Lê Minh Trực.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị V Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 119/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐXXST-HS ngày 30/10/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Phương Đ, Sinh ngày 11/01/1995; Nơi ĐKKHKT: huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tiền án; tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa. Tạm giữ, tạm giam: 28/02/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Luật sư chỉ định bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Ngọc Tú – Luật sư công ty Luật Hợp danh Hoàng Gia thuộc đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

****Bị hại:***

Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1973

ĐKNKTT: Thôn Thành Xuân, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bà Trương Thị S, sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ: huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

-Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996. Có mặt.

ĐKNKTT: huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Anh Nguyễn Đình Tu, sinh năm 1998. Có mặt.

ĐKNKTT: huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1958. Vắng mặt.

ĐKNKTT: huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1986. Vắng mặt.

ĐKNKTT: Trung đoàn cảnh sát cơ động thủ đô.

-Anh Cao Đức T, sinh năm 1997. Vắng mặt.

ĐKNKTT: Thôn Khang Thọ Hưng, Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Chị Lê Thị V, sinh năm 1995. Vắng mặt.

ĐKNKTT: Thôn Bình Tây, xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1995. Vắng mặt.

ĐKNKTT: Ninh Hải, Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

-Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm 1997. Vắng mặt.

ĐKNKTT: Trung đoàn cảnh sát cơ động thủ đô.

-Anh Vũ Đức Duyên, sinh năm 1993. Vắng mặt.

ĐKNKTT: huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen nhau từ trước giữa gia đình bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1973, huyện Hoằng Hóa; Nguyễn Phương Đ (con trai bà L) sinh năm 1995, ở số nhà 106 Đạo Sơn, Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa là chiến sỹ phục vụ có thời hạn từ tháng 3/2015 đến tháng 3/2018 tại Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 22, Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động ở Kiều Mai, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, biết gia đình ông K muốn xin cho con trai là Nguyễn Đình Tu, sinh năm 1998 được đi lính nghĩa vụ nên Đ đã nhận lời xin cho Tu được đi phục vụ có thời hạn trong CAND 03 năm sau sẽ được đi thi hoặc phục vụ chuyên nghiệp trong CAND.

Sau khi nhận được thông tin từ bà L, do cần tiền chi tiêu cá nhân Đ chủ động gọi cho ông K yêu cầu chuyển tiền để Đ lo việc cho Tu (con ông K được đi lính nghĩa vụ như Đ), Đ tự nghĩ ra việc mình quen một Thiếu tướng tên Minh làm việc tại Bộ Công an có khả năng xin cho Tu đi nghĩa vụ, phí ban đầu là 180 triệu đồng. Đ nhấn số tài khoản của Vũ Đức Duyên (là bạn Đ cùng Qngũ) yêu

cầu K chuyển số tiền này vào tài khoản của Duyên tại Ngân hàng Viettinban CN Ba Đình, Hà Nội. Theo ông K khai có đến nhà bà L và nhờ bà L hướng dẫn ra Ngân hàng để chuyển tiền vào số tài khoản Đ cho trước đó. Sau khi có được số tiền này, Đ sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Tài liệu điều tra thu thập được tại các Ngân hàng thời điểm này không thể hiện việc ông K chuyển 180 triệu đồng vào các số tài khoản nhưng căn cứ vào lời khai của Đ, bà L và vợ chồng Nguyễn Đình K đều xác định ban đầu Đ nhận số tiền **180** triệu đồng để xin cho Tu đi nghĩa vụ Công an.

Để cho ông K tin tưởng, Đ trực tiếp lấy cuốn sơ yếu lý lịch cá nhân mà trước đây Đ làm hồ sơ đi nghĩa vụ còn lại sau đó đem xuống nhà đưa cho K, yêu cầu gia đình ông K viết đơn xin phục vụ có thời hạn trong CAND, cung cấp bản sao sổ hộ khẩu gia đình, căn cước công dân, học bạ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT... và hướng dẫn ông K, chị T (con ông K) ghi các nội dung về lý lịch cá nhân cũng như các giấy tờ khác liên quan đến việc đi lính của Tu. Sau khi nhận các tài liệu này Đ không dùng để xin đi nghĩa vụ cho Tu mà bỏ vào ngăn tủ của gia đình (Cơ quan điều tra thu được hồ sơ này tại nhà Đ khi thi hành lệnh khám xét).

Ngày 24/8/2017, Đ nói với K là công việc lo cho Tu bước đầu là ổn, cần phải ra Hà Nội để cảm ơn ông Minh. Đ lên các T web “thuê người đám cưới” và thuê một người đàn ông (không xác định được tên tuổi , địa chỉ) đóng giả “chú Minh” với giá 500.000đ để cho gặp ông K. Đ dàn dựng để cho các bên gặp nhau tại quán café Highland ở đường Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội. Trong cuộc gặp nói chuyện có ông K, chị T, Đ và người đàn ông Đ thuê, người đàn ông này được sắp xếp nói chuyện với ông K theo nội dung Đ yêu cầu. Sau buổi gặp, K đưa cho Đ **30 triệu** đồng nhờ chuyển cho ông Minh để cảm ơn ông Minh đã lo việc cho Tu. Khi chiếm đoạt được số tiền này, Đ đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân.

Để tạo lòng tin hơn nữa cho ông K, sau khi xây dựng hình tượng “chú Minh”, Đ còn dùng số điện thoại 0971.417.674 lấy giọng khác, giả giọng “chú Minh” để nói chuyện với ông K. Để cho ông K tiếp cận “chú Minh” ngay từ đầu “chú Minh” (tức Đ giả giọng) đã gọi điện nhiều lần cho ông K và tỏ ra quan tâm gia cảnh của ông K. Khi có chuyện gì cần tiền, Đ đều nghĩ ra một lý do hợp lý nhất rồi giả giọng chú Minh, yêu cầu ông K chuyển tiền; nói lên các lý do, có gì không hiểu rõ thì hỏi “cu Đ”, hay chuyển tiền vào tài khoản của “cu Duyên” (Vũ Đức Duyên – bạn đi lính với Đ, tài khoản số 104006186043 tại Ngân hàng Vietinbank CN Ba Đình – Hà Nội) lái xe riêng cho “chú Minh”, cứ như vậy, theo thời gian, ngoài số tiền 180 triệu đồng lúc đầu, ông K đã chuyển cho Đ nhiều lần tiền với các lý do như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình ông Nguyễn Đình K bằng hình thức nói dối xin việc cho Nguyễn Đình Tu con trai ông K.

Ông K khai: Khoảng tháng 3/2017 ông đến gặp bà Nguyễn Thị L nhờ xin việc cho con trai là Nguyễn Đình Tu được đi công an nghĩa vụ giống Nguyễn Phương Đ. Bà L đã gọi điện cho Đ trao đổi việc ông K nhờ xin việc cho Tu, Đ nói bà L cứ nhận lời Đ đã có cách. Sau đó vợ chồng ông K khai đã ba lần đến nhà đưa tiền cho bà Nguyễn Thị L để bà L chuyển tiền cho Đ, tổng số tiền là 800.000.000 đồng. Khi đưa không có ai chứng kiến. Qua các tài liệu cơ quan điều tra thu thập được không thể hiện việc số tiền này được chuyển tại ngân hàng. Song qua lời khai bà L, Đ và ông K xác định được số tiền ban đầu Đ nhận để xin cho Tu đi nghĩa vụ là 180.000.000 đồng. Các lần tiếp theo mỗi lần cần tiền để chi tiêu Đ lại nghĩ ra một lý do gọi điện, hoặc nhắn tin bằng hình thức giả là "chú Minh" còn Đ đóng vai trò là người trung gian nhận tiền hộ cho "chú Minh" qua các bạn của Đ có lúc bằng hình thức chuyển qua tài khoản, có lúc đưa tiền mặt. Bằng các thủ đoạn gian dối Đ đưa ra các lý do như xin cho Tu chuyển khoa giao thông, xin đi học chuyên nghiệp, được về Thanh Hóa công tác, ông Minh nhận Tu làm con nuôi ... Bằng các thủ đoạn trên Đ đã làm cho gia đình ông K tin tưởng là có một ông Minh thật nên đã đưa tiền mặt và chuyển khoản nhiều lần qua các tài khoản của bạn Đ theo yêu cầu của "chú Minh" và Đ. Tổng số tiền ông K đưa tiền cho Đ để xin việc cho Nguyễn Đình Tu là 1.219.000.000đ

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình ông Nguyễn Đình K bằng hình thức nói dối xin việc cho Nguyễn Thị T con gái ông K.

Đ tiếp tục nghĩ ra việc nói dối gia đình ông K là xin việc được cho cháu Nguyễn Thị T vào ngành công an, tin tưởng là có "chú Minh" thật nên vợ chồng ông K lại tiếp tục làm theo yêu cầu của chú Minh và Đ chuyển tiền theo yêu cầu của Đ vào tài khoản của Vũ Đức Duyên là 195.000.000đ và đưa 70.000.000đ tiền mặt cho Đ. Tổng số tiền ông K đưa tiền cho Đ để xin việc cho Nguyễn Thị T là 265.000.000đ

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình ông Nguyễn Đình K bằng hình thức nói dối mua đất, vay mua bình tứ quý, bàn ghế:

Ngày 01/6/2018, Đ giả giọng Minh gọi điện cho K bắt đầu việc giới thiệu mua lô đất ở Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội với giá rẻ. Ngày 6/6/2018, ông K nhờ T đem số tiền 90 triệu đồng kèm theo CMND cho "chú Minh" (qua Đ). Tin nhắn lúc 19h19' ngày 6/6/2018 Đ nhắn cho ông K thể hiện: "*chú nhận được rồi cháu nhé*".

Đ giả giọng chú Minh nhờ ông K vay tạm tiền đưa cho Đ để mua bình tứ quý và mua bộ bàn ghế Long Phụng. Tin là thật ông K đã đưa cho Đ 7 triệu tiền

mặt tiền bình tứ quý và 20 triệu tiền mua bộ bàn ghế long phụng ông K chuyển vào tài khoản của Vũ Đức Duyên. Nguyễn Phương Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

***Vật chứng và tài sản thu giữ :**

- Số tiền 03 triệu đồng là vật chứng của vụ án mà bị can Nguyễn Phương Đ tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Trong quá trình điều tra Nguyễn Phương Đ đã tự giác giao nộp số tiền 200.000.000đ để khắc phục cho gia đình ông Nguyễn Đình K.

- Ngày 18/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã ra Quyết định xử lý vật chứng/xử lý đồ vật tài liệu bằng hình thức trả lại cho bị hại Nguyễn Đình K.

- Ngoài ra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh còn thu giữ điện thoại IPHONE X màu đen của Nguyễn Phương Đ, điện thoại IPHONE 5 màu đen của Vũ Đức Duyên và Điện thoại di động nhãn hiệu LG màu vàng đen của ông Nguyễn Đình K.

Ngày 27/3/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định số 465/PC01 gửi Viện KHHS – Bộ Công an đề nghị giám định các file ghi âm các cuộc nói chuyện điện thoại giữa ông K và các đối tượng liên quan trong vụ án do bị hại Nguyễn Đình K giao nộp cho Cơ quan CSĐT.

Ngày 02 tháng 07 năm 2019, Viện KHHS – Bộ Công an có Bản kết L giám định số: 1630/C09- P2 kết L: *"tiếng nói của Nguyễn Đình K trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người phụ nữ xưng “cô” trong các file âm thanh tại folder “LUAN” và tiếng nói của Nguyễn Thị L trong mẫu so sánh là của cùng một người; Nội dung các file trong mẫu cần giám định đã được trích dịch thành văn bản”*.

Ngày 06/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định số 1068/PC01 gửi Viện KHHS – Bộ Công an giám định IPHONE X mà Nguyễn Phương Đ đã giao nộp tại biên bản lập ngày 25/12/2018.

Ngày 12 tháng 08 năm 2019, Viện KHHS – Bộ Công an có Bản kết L giám định số: 4561/C09- P2 kết L: *“Tìm thấy 250 tin nhắn và 283 tệp tin ảnh có phần mở rộng lưu trữ trong điện thoại do Nguyễn Phương Đ giao nộp tại biên bản lập ngày 25/12/2018 được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa gửi kèm theo Quyết định trưng cầu giám định”*.

Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị L (mẹ của Đ) là người giới thiệu cho ông K biết về việc Đ có khả năng xin đi lính nghĩa vụ cho Tu. Tài liệu điều tra thể hiện bà L chuyển vào tài khoản của: Vũ Đức Duyên số tiền 130.200.000đ; Nguyễn Văn C số tiền 173.000.000đ; Ngô Văn Q số tiền 144.000.000đ; Phi Thị Thanh Xuân số tiền 110.000.000đ; Đào Văn Tu số tiền 100.000.000đ; Nguyễn Trung Hiếu số tiền 50.000.000đ; Trần Hữu Mạnh số tiền 50.000.000đ; Doãn Đức Quang số tiền

120.000.000đ; Lê Thị V số tiền 97.000.000đ. Tổng số tiền bà L đã chuyển cho Nguyễn Phương Đ nhận là 974.200.000đ, theo bà L nguồn tiền này là do bà bán đất và vay mượn. Qua xác minh năm 2014 gia đình bà L có bán một mảnh đất cho gia đình bà Lê Thị Huyền T, trong hợp đồng mua bán ghi giá mảnh đất là 200 triệu, người mua khai mua 630 triệu, Ông Nguyễn Đình Dũng (người cho bà L vay tiền) trong khoảng thời gian từ 2016 đến 2018 đã 5 lần chuyển vào tài khoản của bà L tổng số tiền là 475 triệu. Ông K đưa tiền cho bà L để chuyển cho Đ nhưng không có chứng cứ đồng thời bà L và Đ không công nhận. Các tài liệu điều tra không thể hiện việc bà Nguyễn Thị L nhận tiền của K để chuyển cho Đ. Theo Đ và bà L khai đây là số tiền Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị L (mẹ của Đ) phải gửi tiền ra cho Đ thông qua các số tài khoản khác nhau của các bạn đi lính cùng với Đ để lo công việc cho Đ. Do đó, không có căn cứ chứng minh bà L đồng phạm với Đ để chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình K.

Mặc dù vợ chồng ông Nguyễn Đình K đã chuyển vào tài khoản của Vũ Đức Duyên số tiền **705.000.000** đồng và Duyên trực tiếp nhận số tiền 100.000.000đ; vào tài khoản của Cao Đức T là **34.000.000** đồng, vào tài khoản của Lê Thị V là 140.000.000đ; nhưng việc chuyển tiền này đều do Nguyễn Phương Đ yêu cầu chuyển; các cá nhân này không biết mục đích của việc chuyển tiền này là gì, không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc này nên không đủ căn cứ chứng minh Vũ Đức Duyên, Cao Đức T và Lê Thị V đồng phạm để chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình K.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Phương Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Do có hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 04/CT – VKS – P3 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Phương Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 174 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với vị đại diện VKKND tỉnh Thanh Hóa về tội danh và áp dụng điều luật, Luật sư đưa ra các tình tiết giảm nhẹ như hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối **cải**, đặc biệt gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và gia đình bị hại xin cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Từ những tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; cho bị cáo hưởng mức án đầu khung hình phạt của khoản 3 Điều 174 BLHS.

Bị hại ông Nguyễn Đình K đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội; Phần dân sự hai bên đã thỏa thuận xong và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Phương Đ về hành vi nêu trên. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a Khoản 4 Điều 174 BLHS; điểm s; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; khoản 1 Điều 54 BLHS; Điều 38; Điều 46; Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Đề nghị HĐXX Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phương Đ phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Xử phạt bị cáo mức án 10 – 11 năm tù và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có khiếu nại gì về hành vi , về quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được, phù hợp với tang vật chứng trong vụ án, đủ căn cứ và cơ sở để kết L: Nguyễn Phương Đ đã lợi dụng vào nhu cầu việc làm của gia đình ông K để đưa ra những thông tin không có thật để cho gia đình ông K tin tưởng và giao tiền. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 1.601.000.000đ, Đ không dùng để xin việc, để mua đất, như đã hứa hẹn mà sử dụng vào ăn chơi cá nhân gây thiệt hại về tài sản cho gia đình ông Nguyễn Đình K.Vì vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Phương Đ bị VKSND tỉnh Thanh Hóa truy tố về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm tạo lòng tin của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Mặc dù Đ không có thẩm quyền về tổ chức trong lĩnh vực công an nhân dân, nhưng do cần tiền để chi tiêu cá nhân Đ đã gọi điện cho ông K chuyển tiền ra Hà Nội để Đ nhờ người xin cho Tu và Nguyễn Thị T (con ông K); Bị cáo nói có người quen là “ chú Minh “ làm ở Bộ công an có thể lo được việc này, để tạo niềm tin bị cáo dùng sơ yếu lý lịch cũ trước đây còn lại của bị cáo đưa cho ông K để làm hồ sơ, đưa ra các lý do xin chuyển khoa cho Tu, chuyển công tác cho Tu về

Thanh Hóa, xin cho Tu đi học chuyên nghiệp với danh nghĩa theo yêu cầu của “ chú Minh “; Ngoài ra bị cáo Đ còn có hành vi giả giọng “ chú Minh “ để ông K tin là được mua đất, bàn ghế giá rẻ để ông K chuyển tiền cho Đ nhằm mục đích chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình chính trị địa phương, trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt: chưa có tiền án, tiền sự, là người lao động lương thiện, bị cáo đã từng là lính nghĩa vụ phục vụ trong lực lượng cảnh sát cơ động thủ đô và có cơ hội tốt để rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lười động, muốn có nhiều tiền nhanh chóng để tiêu sài nên đã có hành vi dạn dối để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Tuy nhiên sau khi bị tố giác bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo giúp cơ quan điều tra sớm làm rõ các tình tiết của vụ án; Sau khi bị tố giác bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng việc bồi thường cho gia đình ông K số tiền 430.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo tiếp tục tác động gia đình thỏa thuận bồi thường với gia đình bị hại nên gia đình bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết phần dân sự và xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên chỉ trong thời gian ngắn bị cáo đã liên tiếp thực hiện nhiều thủ đoạn khác nhau để lừa tiền nhà ông K hết lần này đến lần khác: từ tháng 03/2017 đến tháng 6/2018 bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối lừa gia đình ông K để chiếm đoạt tổng số tiền 1.601.000.000đ nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng “ phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó khi lượng hình HĐXX cũng cần cân nhắc giữa các tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 50 BLHS để lên cho bị cáo mức án phù hợp vừa thể hiện tính răn đe, giáo dục, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

[5] Bị cáo đủ tuổi chịu TNHS và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 BLHS.

[6] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 585; Điều 589 BLDS. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Phương Đ đã chiếm đoạt của gia đình ông K là 1.601.000.000đ. Trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình ông K số tiền 430.000.000đ; Tại phiên tòa bị cáo và gia đình ông K đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về phần dân sự và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và không xem xét phần dân sự.

[7] Vật chứng:

- Trong quá trình điều tra Nguyễn Phương Đ đã tự giác giao nộp số tiền 203.000.000đ để khắc phục cho gia đình ông Nguyễn Đình K. Ngày 18/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã ra Quyết định xử lý vật chứng/xử lý đồ vật tài liệu bằng hình thức trả lại cho bị hại Nguyễn Đình K nên HĐXX ghi nhận việc bồi thường khắc phục hậu quả của bị cáo.

- Đối với điện thoại IPHONE X màu đen của Nguyễn Phương Đ, bị cáo đã sử dụng để liên lạc thông tin với ông K để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu xung công.

- Đối với điện thoại IPHONE 5 màu đen của Vũ Đức Duyên và Điện thoại di động nhãn hiệu LG màu vàng đen của ông Nguyễn Đình K. Do ông K và anh Duyên không biết bị cáo liên lạc với mình nhằm mục đích chiếm đoạt nên trả lại cho các bị hại là phù hợp.

[8] Một số vấn đề khác:

Đối với bà Nguyễn Thị L (mẹ của Đ) là người giới thiệu cho ông K biết về việc Đ có khả năng xin đi lính nghĩa vụ cho Tu, bà L đã chuyển tiền vào tài khoản của những người bạn của Đ, tổng số tiền bà L đã chuyển cho Nguyễn Phương Đ nhận là 974.200.000đ, Qua xác minh đây là số tiền bà L vay mượn và bán đất. Việc ông K đưa tiền cho bà L để chuyển cho Đ nhưng không có chứng cứ đồng thời bà L và Đ đều không công nhận số tiền này. Theo Đ và bà L khai đây là số tiền Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị L (mẹ của Đ) phải gửi tiền ra cho Đ thông qua các số tài khoản khác nhau của các bạn đi lính cùng với Đ để lo công việc cho Đ.

Đối với ông Nguyễn Đình K đã chuyển vào tài khoản của Vũ Đức Duyên số tiền **705.000.000** đồng và Duyên trực tiếp nhận số tiền 100.000.000đ; vào tài khoản của Cao Đức T là **34.000.000** đồng, vào tài khoản của Lê Thị V là 140.000.000đ;

Việc chuyển tiền của bà L và vợ chồng ông K đều do Nguyễn Phương Đ yêu cầu chuyển; các cá nhân này không biết mục đích của việc chuyển tiền này là gì, không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc này, không có sự bàn bạc phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể nên không đủ căn cứ chứng minh bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình K, Vũ Đức Duyên, Cao Đức T và Lê Thị V đồng phạm để chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình K.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 BLTTHS 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS; điểm b, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 46; Điều 47 BLHS; Điều 106; Điều 136 BLTTHS; Điều 585; Điều 589

BLDS; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phương Đ phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

3. Xử phạt: Nguyễn Phương Đ 09 (chín) năm tù . Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 28/02/2019.

4. Trách nhiệm dân sự: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau và không đề nghị HĐXX xem xét phần dân sự. Do đó HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

5. Về vật chứng:

-Tịch thu xung công : 01 điện thoại di động của Nguyễn Phương Đ tại Mục 3 của biên bản giao nhận vật chứng;

- Trả lại 01 điện thoại di động cho ông Nguyễn Đình K; Địa chỉ: thôn Thành Luân, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo Mục 1 của biên bản giao nhận vật chứng;

-Trả lại 01 điện thoại di động cho anh Vũ Đức Duyên; Địa chỉ: Xóm 17, thôn Tây Lạc, xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định theo Mục 2 của biên bản giao nhận vật chứng.

Các vật chứng thu được trong vụ án đang được lưu giữ tại biên bản giao nhận vật chứng số TV/2020/02 giữa phòng PC 01 và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa ngày 15/10/2019 tại cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

6. Án phí: Bị cáo Nguyễn Phương Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Phương Đ, bị hại có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, Luật sư;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Khuyên

